

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 01 - 2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

• **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc và bà Hoàng Thị Thoan.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

• **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:**
Bà Cao Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án lý số 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 4932/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ dân phố F, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991; NĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố E, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Địa chỉ hiện nay: Prumy S, drisy 27714/Livein C (Cộng hoà Séc); có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L đăng ký kết hôn ngày 01/11/2016 tại UBND phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã xúc phạm lẫn nhau, cho nên năm 2019 anh L đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa S làm ăn từ đó cho đến nay. Hiện tại, vợ chồng không còn liên lạc liên lạc gì với nhau, tình cảm rạn nứt, không ai còn quan tâm đến cuộc

của nhau. Nay chị [Q](#), xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh [Nguyễn Văn L](#).

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có con chung, không có tài sản gì chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Về phía bị đơn anh [Nguyễn Văn L](#):

Theo xác nhận của [Cục Q2](#) thì anh [Nguyễn Văn L](#) đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần nhất vào ngày 18/8/2019 và đến nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Theo địa chỉ do chị [Q](#) cung cấp thì hiện tại anh [L](#) đang sinh sống tại [Prumy S, drisy B C \(Cộng hòa S\)](#). Vì vậy, Tòa án đã tiến hành làm thủ tục Ủy thác tư pháp ra nước ngoài đến [Đ](#) tại Cộng hoà Séc theo quy định chung để lấy ý kiến của anh [L](#) về việc chị [Q](#) yêu cầu ly hôn.

Ngày 13/11/2023, Tòa án nhận được bản tự khai của anh [L](#) gửi từ Cộng hoà Séc với nội dung: Về thời gian địa điểm, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, thời gian anh xuất cảnh, địa chỉ hiện tại anh sinh sống giống như chị [Q](#) đã trình bày. Nay chị [L](#) có yêu cầu ly hôn thì anh cung đồng ý và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn.

- Tại biên bản lấy lời khai bà [Nguyễn Thị H](#) (mẹ đẻ anh [L](#)), địa chỉ: [Tổ dân phố E, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình](#), bà [H](#) trình bày: Anh Linh hiện tại đang ở tại [Cộng hòa S](#) và biết việc chị [Q](#) làm đơn xin ly hôn tại Tòa án, nhưng do điều kiện sinh sống ở nước ngoài nên không thể về nước để giải quyết việc ly hôn. Về con chung thì vợ, chồng các con chưa có con chung và không có tài sản gì chung.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vụ án.

+ Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện, xử cho chị [Nguyễn Thị Ngọc Q](#) được ly hôn với anh [Nguyễn Văn L](#). Về con chung, tài sản chung, nợ chung các bên đương sự không có nên không xem xét và buộc đương sự phải chịu án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Theo Công văn số: 8091/CV -QLXNC ngày 10/4/2023 của [Cục Q2](#) - [BỘ Q2](#) đã có đủ căn cứ xác định anh [Nguyễn Văn L](#) đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần nhất ngày 18/8/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam; theo địa chỉ chị [Nguyễn Thị Ngọc Q](#) cung cấp và bản tự khai của anh

L gửi cho Tòa án đã xác định được hiện nay anh L hiện tại đang cư trú tại Prumy S, drisy B C (Công hòa S). Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh L thông qua Đ tại Cộng hòa Séc theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không có kết quả. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã đề nghị Đ tại Cộng hòa S tiến hành niêm yết công khai đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thi Ngọc Q, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ đối với anh Nguyễn Văn L và thông báo trên cổng thông tin điện tử của Cơ quan này.

Ngày 13/11/2023, Tòa án nhận được bản tự khai do anh L gửi qua đường bưu chính từ Cộng hòa S với nội dung đồng ý ly hôn với chị Q1. Để làm căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết của anh L và tại Kết luận giám định số 1072/KL-KTHS ngày 28/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q xác định chữ viết tại bản tự khai và chữ viết tại giấy đăng ký kết hôn là do anh L viết ra. Theo bản tự khai anh L trình bày ý kiến đã nhận được các văn bản của Tòa án gửi cho anh, anh cũng đồng ý việc ly hôn đối với chị Nguyễn Thi Ngọc Q. Hiện tại do điều kiện đang làm việc ở nước ngoài không thể về Việt Nam để tham dự phiên tòa xét xử sơ thẩm nên anh xin xét xử vắng mặt. Như vậy, anh Nguyễn Văn L ở nước ngoài đã biết việc chị Nguyễn Thi Ngọc Q làm thủ tục xin ly hôn và cũng có Bản tự khai gửi cho Tòa án nên căn cứ điểm c, d khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn L.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thi Ngọc Q và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2016 tại UBND phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, cho nên việc kết hôn của các đương sự là hợp pháp. Hiện tại các bên đương sự đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, mỗi người sinh sống mỗi nơi, không còn quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng đời sống hôn nhân giữa các đương sự trên thực tế không còn tồn tại nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Q được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự đều thừa nhận không có con chung, tài sản chung và không yêu cầu giải quyết, cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí, lệ phí: Chị Nguyễn Thi Ngọc Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 35; điểm b, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không có con chung, tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0005244 ngày 14/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Xác nhận đương sự đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/01/2024).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- UBND phường Quảng Phong, TX Ba Đồn; tỉnh Quảng Bình;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Trần Trung Thành